

Số: 11 /GPMT-STNMT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 823/QLDA ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố Bà Rịa về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tiểu thủ công nghiệp tại xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Giai đoạn I, quy mô diện tích 9,9 ha) (theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa tại Quyết định số 5328/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa, địa chỉ tại số 137 đường 27/4, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tiểu thủ công nghiệp tại xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Giai đoạn I, quy mô diện tích 9,9 ha) với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tiểu thủ công nghiệp tại xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Giai đoạn I, quy mô diện tích 9,9 ha).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Hoà Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu TTCN phục vụ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Bà Rịa tại xã Hoà Long; Công văn số 13004/UBND-VP ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc khẩn trương hoàn thiện các thủ tục để quyết toán Hạng mục Trạm xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hòa Long, thành phố Bà Rịa.

1.4. Mã số thuế: 3502495601.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích của dự án đầu tư: Giai đoạn I có diện tích khoảng 9,9 ha.

*(Các thông tin về dự án đầu tư nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án; Chủ dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo và thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.)*

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày 28 tháng 10 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

*(Theo đề nghị tại Công văn số 823/QLDA ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố Bà Rịa và hồ sơ kèm theo (ký hồ sơ theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa tại Quyết định số 5328/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024)).*

*(Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường).*

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bà Rịa tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ TN&MT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- GD và các PGD Sở TNMT (b/c);
- Các Sở: CT, KHĐT, XD, TC;
- Công an tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trung tâm CNTT TN&MT;
- (đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở);*
- UBND thành phố Bà Rịa;
- Ban QLDA ĐTXD thành phố Bà Rịa;
- Phòng TNMT thành phố Bà Rịa;
- Lưu: VT, QLMT (Mai).(02)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Quốc Đăng**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ bồn cầu, âu tiêu của khu hành chính dịch vụ và khu xử lý nước thải được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải từ sàn nhà vệ sinh, lavabo của khu hành chính dịch vụ, khu xử lý nước thải và từ sàn nhà, nước rỉ rác của khu vực chứa chất thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của các đơn vị thứ cấp sẽ tự xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi cơ sở, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất từ các đơn vị thứ cấp sẽ tự xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, sau đó được đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của dự án để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung trên đường số 28 (đường D4 cũ) (hệ thống này sẽ thoát nước về suối Sông Cầu - hạ lưu sông Dinh).

##### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°), như sau: X = 1166718; Y = 440767.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được chảy qua mương quan trắc trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên đường số 28.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Tự chảy, liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công

nghiệp (cột B,  $Kq = 0,9$ ,  $Kf = 1,0$ ), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
	Lưu lượng	$m^3/ngày\ đêm$	750	03 tháng/lần
1	Nhiệt độ	°C	40	
2	Màu	Pt/Co	150	
3	pH	-	5,5 đến 9	
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	45	
5	COD	mg/l	135	
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	90	
7	Asen	mg/l	0,09	
8	Thủy ngân	mg/l	0,009	
9	Chì	mg/l	0,45	
10	Cadimi	mg/l	0,09	
11	Crom (VI)	mg/l	0,09	
12	Crom (III)	mg/l	0,9	
13	Đồng	mg/l	1,8	
14	Kẽm	mg/l	2,7	
15	Niken	mg/l	0,45	
16	Sắt	mg/l	4,5	
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9	
18	Amoni (tính theo N)	mg/l	9	
19	Tổng nitơ	mg/l	36	
20	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,4	
21	Clorua	mg/l	900	
22	Clo dư	mg/l	1,8	
23	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000	

Quan trắc tự động, liên tục: Thực hiện theo quy định.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa được tách biệt với nhau.

- Nước thải từ bồn cầu, âu tiêu của khu hành chính dịch vụ và khu xử lý nước thải được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ sàn nhà vệ sinh, lavabo của khu hành chính dịch vụ, khu xử lý nước thải và từ sàn nhà, nước rỉ rác của khu vực chứa chất thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt của các đơn vị thứ cấp sẽ tự xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi cơ sở, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất từ các đơn vị thứ cấp sẽ tự xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, sau đó được đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của dự án để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ các nguồn sau đó được đầu nối vào hố ga nước thải và theo hệ thống thu gom nước thải của khu tiểu thủ công nghiệp về hệ thống XLNT của khu TTCN để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B ( $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1$ ) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Hố thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hoà → Bể phản ứng, tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hồ điều hòa (hồ sinh học) → Nguồn tiếp nhận (Hệ thống thoát nước chung trên đường số 28).

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Công suất thiết kế: 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, HCl, Dung dịch PAC, Polymer Anion, Polymer Cation, Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Chủ đầu tư phải lắp đặt, vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định, bảo đảm hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được hoàn thiện trước khi đi vào vận hành (vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức) theo đúng quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không.



#### 1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

##### a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành HTXLNT theo đúng thiết kế và hướng dẫn vận hành từ nhà cung cấp.
- Tuyển nhân viên vận hành có kinh nghiệm.
- Trang bị thiết bị dự phòng cần thiết (bơm, máy thổi khí...) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; bảo đảm vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng nước thải đầu ra để kịp thời khắc phục sự cố. Việc đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt chủ yếu dựa trên phương pháp sau:
  - Dùng các chỉ tiêu đánh giá nhanh kết hợp với các yếu tố như độ pH, màu và mùi của nước thải, đồng thời kiểm tra hoạt động của từng bể để đánh giá.
  - Phối hợp với đơn vị có chức năng lấy mẫu định kỳ và ngẫu nhiên khi có khả năng xảy ra sự cố đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo môi trường trước khi thoát ra môi trường.
  - Định kỳ vệ sinh, thay thế vật liệu lọc của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo không tắc nghẽn trong quá trình vận hành.
  - Trường hợp hệ thống XLNT gặp sự cố: Nước thải được lưu chứa tại hồ thu gom, bể điều hoà và hồ điều hòa (với tổng thể tích khoảng 2.682,7 m<sup>3</sup>) khả năng lưu chứa trung bình khoảng 4 ngày và đồng thời thực hiện một số giải pháp khắc phục kỹ thuật, sửa chữa với thời gian nhanh nhất để đưa hệ thống đi vào hoạt động trở lại. Sau khi điều tra nguyên nhân, khắc phục xong sự cố, sau đó sẽ thực hiện bơm nước thải từ hồ điều hòa về bể thu gom để xử lý và nước sau xử lý đạt quy chuẩn được đầu nối vào đường 28 (không thông qua hồ điều hòa). Sau khi xử lý hết nước thải từ hồ điều hòa thì nước thải sẽ mở van đường ống nước thải sau bể khử trùng vào hồ điều hòa.

##### b) Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

Khi phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, nhân viên vận hành sẽ lập tức khóa van đường dẫn nước thải từ bể chứa nước thải sau xử lý ra đường ống thoát nước thải sau xử lý và đồng thời mở van đường dẫn nước thải từ bể chứa nước thải sau xử lý dẫn về bể thu gom để xử lý lại. Đồng thời, thông báo cho bộ phận quản lý biết để điều tra nguyên nhân và khắc phục sự cố, bao gồm các hoạt động:

- Thực hiện kiểm tra nguồn điện. Khi phát hiện sự cố do mất điện: sẽ khởi động máy phát điện dự phòng để vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Thực hiện kiểm tra các máy móc, thiết bị thông qua tín hiệu báo của tủ điều khiển hoặc qua kiểm tra trực tiếp. Khi phát hiện sự cố là do hư hỏng các máy móc, thiết bị sẽ cho hoạt động các máy móc, thiết bị dự phòng (bơm, máy thổi khí); một số máy móc, thiết bị không có sẵn, sẽ nhanh chóng mua và thay thế trong thời gian sớm nhất.

- Phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào thông qua kết quả phân tích mẫu nước thải đầu vào và bằng các bộ test nhanh để phát hiện các chỉ tiêu ô nhiễm cao bất thường. Khi phát hiện sự cố do nước thải đầu vào có nồng độ các chất ô nhiễm cao, đơn vị vận hành hệ thống XLNT sẽ:

+ Dựa trên kết quả phân tích để điều chỉnh chế độ vận hành, thời gian lưu nước và liều lượng hóa chất phù hợp với chất lượng nước thải đầu vào;

+ Kiểm tra nước thải đầu vào tại bể thu gom có nước ô nhiễm bất thường nhằm kiểm soát hoạt động xả thải;

+ Kiểm tra hoạt động của hệ vi sinh trong các bể xử lý sinh học;

+ Lấy mẫu nước thải sau từng công đoạn xử lý của hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra hiệu quả xử lý của từng công đoạn và chất lượng nước thải sau xử lý cho tới khi khắc phục xong sự cố.

- Sau khi khắc phục xong sự cố và vận hành hệ thống xử lý nước thải ổn định, có kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép; nhân viên vận hành sẽ mở van đường dẫn xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Giai đoạn vận hành ổn định	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu quan trắc
1	Đầu vào: Tại bể thu gom (X = 1166728; Y = 440863)	Mẫu đơn	1	<i>Lưu lượng</i> , Nhiệt độ, Màu, pH, BOD <sub>5</sub> , COD, Chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Sắt, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Coliform.
	Đầu ra: Hồ ga quan trắc (X = 1166715; Y = 440773)	Mẫu đơn	3	

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải theo giá trị giới



hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT cụ thể: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của tọa độ vị trí xả nước thải, tọa độ vị trí quan trắc nêu tại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải của dự án đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường đến khi hoàn thành bàn giao việc thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư đối với công tác bảo vệ môi trường tại dự án cho đơn vị khác theo quy định.

3.6. Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và ký hiệu rõ các bể, công đoạn thuộc quy trình xử lý nước thải để dễ nhận biết khi kiểm tra giám sát.

3.7. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.8. Thực hiện phương án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm, bảo đảm nước thải của dự án được thu gom, xử lý đạt cột A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước ngày 01/01/2025 theo quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21/04/2022 của UBND tỉnh quy định phân vùng tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Phụ lục 2**  
**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Thiết kế nhà chứa máy thổi khí trong phòng kín, cửa có sử dụng gioăng cách âm để dán các mép giúp giảm âm và cách âm ra bên ngoài hiệu quả hơn.
- Lắp đặt đệm cao su chống rung tại các vị trí đặt bơm và máy thổi khí.
- Định kỳ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị bơm, máy thổi khí theo quy định.

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện:

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong nhà chứa máy bơm, gắn bộ phận tiêu âm tại bộ phận thải khí để hạn chế tiếng ồn do máy nổ phát ra.
- Gắn thêm 1 lớp đệm cao su chống rung (cao su đặc) tại chân đế của máy phát điện.
- Trồng nhiều cây xanh quanh dự án.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên**

Stt	Loại chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Kg/năm	5
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải khác với loại trên (Giẻ lau dính dầu)	18 02 02	Kg/năm	10
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Kg/năm	5
4	Các loại dầu thải khác (Dầu mỡ thải từ quá trình bảo hành, bảo dưỡng hệ thống XLNT)	17 07 03	Kg/năm	10
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Kg/năm	3
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (Bao bì chứa hóa chất phục vụ cho hệ thống XLNT)	18 01 01	Kg/năm	120
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (thùng chứa hoá chất phục vụ cho hệ thống XLNT)	18 01 03	Kg/năm	210
8	Hoá chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	19 05 04	Kg/năm	10
9	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp <sup>(KS)</sup>	12 06 05	Kg/năm	264.600
<b>Tổng cộng</b>			<b>Kg/năm</b>	<b>264.973</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giấy vụn loại bỏ từ văn phòng	15

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
2	Lá, cành cây	885
	<b>Tổng cộng</b>	<b>900</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/tháng)
1	Rác thải sinh hoạt	225
	<b>Tổng cộng</b>	<b>225</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chủ dự án bố trí các thùng chứa CTNH loại 100 lít có nắp đậy, vật liệu nhựa chuyên dụng chứa CTNH, có 2 bánh xe để di chuyển thuận lợi trong quá trình chuyển giao CTNH cho đơn vị xử lý. Thùng chứa CTNH được dán nhãn CTNH và biển cảnh báo tương ứng với các loại chất thải phát sinh.

- Bùn thải sẽ được dẫn vào máy ép bùn, tại máy ép bùn bổ sung hóa chất Polymer Cation (khoảng 5kg/1 tấn bùn ép), bùn sẽ được giữ lại và cuốn trên trục vít, nhờ lực quay ly tâm, nước sẽ tách ra ngoài và dẫn về hồ thu gom để tiếp tục xử lý. Bùn sau ép có độ ẩm rất thấp được đóng gói, đưa về kho chứa bùn.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa chất thải

- Đối với khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: 21,3 m<sup>2</sup>. Kho chứa có mái che, có cửa đóng mở, sàn được tráng bê tông chống thấm, các rãnh nước quanh khu vực lưu trữ, có gờ chống tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn và đảm bảo nước mưa không chảy tràn từ bên ngoài. Có biển cảnh báo CTNH tại cửa kho chứa và các khu vực lưu chứa CTNH tương ứng. Bên trong kho chứa có trang bị bình PCCC cầm tay, trong kho chứa có rãnh thu gom trong trường hợp có sự cố đổ tràn, rò rỉ dầu mỡ thải, đảm bảo không chảy tràn ra bên ngoài.

- Đối với bùn thải được lưu chứa tại kho với diện tích: 45,15 m<sup>2</sup> nền đổ bê tông chống thấm, cao độ nền cao hơn bên ngoài 0,3m, tường xây bao quanh phía trên có mái lợp tôn, đảm bảo nước mưa không chảy tràn từ bên ngoài.

- Thực hiện ký hợp đồng thu gom CTNH với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/2/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy, được bố trí tại khu vực văn phòng, khu vực xử lý nước thải tập trung và khu vực ngoài trời.

### 2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Đối với khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 20,8 m<sup>2</sup>. Có mái che, có cửa đóng mở, sàn được tráng bê tông chống thấm, các rãnh nước quanh khu vực lưu trữ, có gờ chống tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn và đảm bảo nước mưa không chảy tràn từ bên ngoài.

- Thực hiện ký hợp đồng thu gom CTCNTT với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/2/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí các thùng chứa được phân thành 03 loại bao gồm: chất thải hữu cơ, chất thải có thể tái chế và chất thải còn lại. Các thùng chứa có nắp đậy và được bố trí tại khu vực văn phòng, khu vực xử lý nước thải tập trung và khu vực đường nội bộ dự án.

### 2.3.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích khu vực kho chứa chất thải: 21,3 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải: Có mái che, có cửa đóng mở, sàn được tráng bê tông chống thấm, các rãnh nước quanh khu vực lưu trữ, có gờ chống tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn và đảm bảo nước mưa không chảy tràn từ bên ngoài.

- Thực hiện ký hợp đồng thu gom CTCNTT với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/2/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo đúng quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ... tháng ... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Triển khai thực hiện giai đoạn 2 của dự án theo quy định.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại, quản lý/xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy,... hiện hành.

4. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường; có trách nhiệm thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản vi phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.